

# NGHIÊN CỨU VỀ CHẾ BIẾN LÚA GẠO CHO XUẤT KHẨU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nguyễn Công Thành<sup>1</sup>, Bùi Đình Đường<sup>2</sup>, Trần Văn Hiến<sup>2</sup>, Nguyễn Hữu Minh<sup>2</sup> và Manish Singh<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Viện Khoa học Kỹ thuật NN miền Nam;

<sup>2</sup>Viện Lúa ĐBSCL;

<sup>3</sup>Foretell Business Solution, India

## TÓM TẮT

Qua nghiên cứu cho thấy công suất/ngày của các nhà máy biến thiên từ 30 tấn cho đến 500 tấn/ngày, trung bình là 170,2 tấn/ngày. Có 20% nhà máy hoạt động vượt công suất lý thuyết/năm, từ 130 - 141%. Hầu hết số nhà máy còn lại chỉ hoạt động dưới mức công suất lý thuyết/năm. Lượng lúa xay chà hàng ngày của các nhà máy biến thiên từ 6 tấn – 500 tấn/ngày, trung bình là 136 tấn/ngày. Tỷ lệ gạo lức thu hồi cao nhất trong vụ Đông xuân (ĐX), kế đến vụ Thu Đông (TĐ) và sau cùng là vụ Hè Thu (HT), tương ứng là 73,44%; 71,67% và 68,81%. Đối với giống lúa IR 50404 cho tỷ lệ gạo nguyên thu hồi cao nhất trong các giống hiện nay. Độ ẩm lúa khi đưa vào xay chà biến thiên từ 15% đến 18%. Độ ẩm lý tưởng cho lúa đưa vào xay chà là 16%. Hiện trạng về tiêu thụ sản phẩm phụ trấu chưa có đầu ra ổn định và có lợi cho nhà máy, người tiêu thụ và môi trường. Đối với loại giống lúa có chất lượng thấp (ví dụ IR 50404, OM 576), có tỷ lệ trong tổng số lúa được xay chà biến thiên từ 10-80%, trung bình là 48%. Giống lúa có chất lượng trung bình có tỷ lệ trung bình là 35%. Giống lúa chất lượng cao trung bình chỉ 20%. Nghiên cứu đã tổng hợp thành 11 khó khăn chính đối với nhà máy trong quá trình hoạt động chế biến lúa gạo cho xuất khẩu và 10 ý kiến quan trọng kiến nghị nhằm cải thiện và phát triển ngành chế biến lúa gạo cho xuất khẩu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiếp theo những thành tích về xuất khẩu gạo trong năm 2011, Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), ước tính 6 tháng đầu năm 2012, xuất khẩu 3,7 triệu tấn gạo (Phạm Anh, 2012). Trước thắng lợi về sản xuất và xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam trong những năm gần đây, nhiều nước đã nhận định Việt Nam có thể trở thành nước xuất khẩu gạo từ vị trí thứ hai trong năm 2011, có thể thay thế Thái Lan trở thành nước xuất khẩu lớn nhất trong năm 2012 (Singh, 2011). Hạt lúa từ khi sản xuất đến xuất khẩu trải qua nhiều công đoạn, từ người nông dân sản xuất, thương lái thu mua lúa gạo, nhà chế biến và nhà xuất khẩu. Nghiên cứu của đề tài đã tiến hành trên 3 đối tượng chính là nông dân, nhà chế biến lúa gạo và nhà xuất khẩu. Trong phạm vi bài viết này chỉ báo cáo kết quả nghiên cứu về chế biến lúa gạo cho xuất khẩu.

Nhà máy chế biến lúa gạo chiếm vai trò rất quan trọng nhằm tạo ra sản phẩm đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của khách hàng trong các thị trường gạo xuất khẩu. Tuy nhiên, việc nghiên cứu riêng cho bộ phận này còn rất ít, nên những kết quả nghiên cứu của đề tài có ý nghĩa rất thiết thực cho việc cải thiện ngành chế biến lúa gạo xuất khẩu nói riêng và cho việc sản xuất và xuất khẩu lúa gạo nói chung. Vì vậy, kết quả nghiên cứu rất hữu ích cho các nhà quản lý, nhà nghiên cứu, nhà chế biến, nhà kinh doanh lúa gạo xuất khẩu và cho tất cả những ai quan tâm đến lĩnh vực sản xuất, chế biến và tiêu thụ lúa gạo ở Việt Nam và trên thế giới.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Thiết kế bảng câu hỏi phỏng vấn cho các nhà máy gồm những vấn đề như: công suất thiết kế, công suất thực tế hoạt động, nguồn thu mua lúa, kênh hoạt động đầu vào, đầu ra, các hình thức tiêu thụ sản phẩm chính, phụ, tỷ lệ gạo nguyên thu hồi qua các vụ, những khó khăn phải đối phó trong hoạt động chế biến lúa gạo và cơ hội phát triển ngành chế biến lúa gạo cho xuất khẩu....
- Thành phần các nhà máy được điều tra: Hai vùng đồng bằng sông Hồng và ĐBSCL là 20 nhà máy. Riêng vùng ĐBSCL gồm có 10 nhà máy, trong đó, tỉnh Cần Thơ 05 nhà máy (50%) tập trung ở các xã chuyên xay xát lúa gạo như xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, xã Thới Long, quận Ô Môn, xã Thuận Hòa, quận Thốt Nốt. Kế đến An Giang điều tra 3 nhà máy (30%), tập trung vùng chế biến lúa gạo xuất khẩu ở huyện Thoại Sơn. Tỉnh Hậu Giang 2 nhà máy (20%), tập trung ở huyện Long Mỹ.
- Người đại diện cung cấp thông tin nghiên cứu: Chức danh của người đại diện cung cấp thông tin của nhà máy chế biến lúa gạo xuất khẩu phần lớn là giám đốc vừa là chủ doanh nghiệp (70%), Quản lý Kinh doanh của nhà máy (20%) và chỉ có 10% là Quản đốc nhà máy. Như vậy độ tin cậy của nguồn thông tin nghiên cứu là rất cao.
- Số liệu nghiên cứu được tổng hợp và phân tích bằng chương trình phần mềm SPSS, và Excel với các kỹ thuật phân tích như thống kê mô tả gồm giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, tỷ lệ phần trăm.v.v...
- Nghiên cứu tiến hành từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 3 năm 2011.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1 Sơ lược về đặc điểm các nhà máy chế biến lúa gạo được điều tra

#### 3.1.1 Công suất và thực tế hoạt động của các nhà máy chế biến lúa gạo

Bảng 1. Công suất và thực tế hoạt động chế biến lúa gạo của các nhà máy

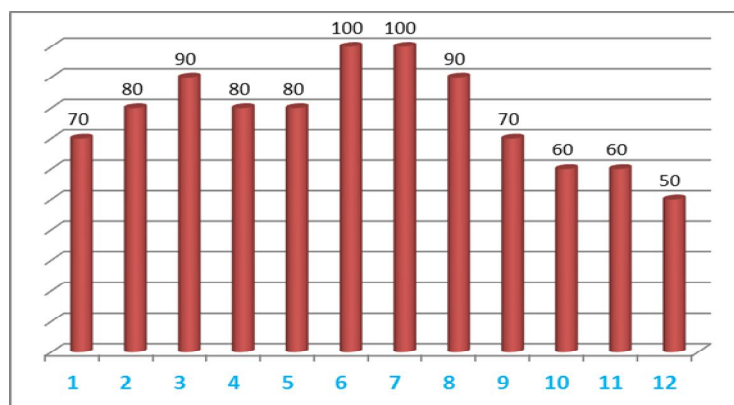
| Khoản mục         | Công suất /ngày (tấn) | Công suất lý thuyết/năm (tấn) | Lượng lúa thực tế xay chà/năm (tấn) | So sánh với công suất lý thuyết (%) |
|-------------------|-----------------------|-------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Trung bình        | 170,20                | 43.401                        | 33.360                              | 71,17                               |
| Tối thiểu         | 30                    | 7.650                         | 2.040                               | 6,67                                |
| Tối đa            | 500                   | 127.500                       | 100.000                             | 141,18                              |
| Khoảng biến thiên | 470                   | 119.850                       | 97.960                              | 134,51                              |

- Công suất/ngày của các nhà máy trong diện điều tra biến thiên từ 30 tấn đến 500 tấn/ngày, trung bình là 170,2 tấn/ngày. Với công suất như vậy cũng nói lên quy mô hoạt động xay chà cho xuất khẩu của các nhà máy khá lớn. Từ công suất/ngày của các nhà máy, chúng tôi tính toán công suất lý thuyết giả định rằng số ngày hoạt động trong năm của mỗi nhà máy là 355 ngày.
- Lượng lúa xay chà thực tế/năm biến thiên khá lớn giữa các nhà máy từ 2.040 tấn/năm cho đến 100.000 tấn/năm. Trung bình là 33.360 tấn/năm.

- Có 20% nhà máy hoạt động vượt công suất lý thuyết/năm, từ 130 – 141%. Hầu hết số nhà máy còn lại (80%) chỉ hoạt động dưới mức công suất lý thuyết/năm. Trong đó, 50% nhà máy hoạt động dưới 50% công suất và 30% nhà máy hoạt động dưới 80% công suất lý thuyết/năm.
- Mức độ hoạt động của các nhà máy so với công suất lý thuyết dao động cũng khá lớn từ gần 7% cho đến 141,18%. Trung bình là 71,17%.

### 3.1.2 Thời gian hoạt động và hình thức hoạt động theo ca của các nhà máy

- Về mùa vụ của ngành chế biến lúa gạo cho xuất khẩu, thực tế không hoàn toàn trùng với mùa vụ như ngành trồng lúa, bởi vì khi có lúa thu hoạch đem bán hoặc xay chà thì gần hết một vụ gieo trồng và chuyển sang gieo trồng vụ mới. Do đó, lượng lúa xay chà mùa này cũng có thể vừa là lượng lúa vừa thu hoạch vụ này và đã thu hoạch vụ trước đó. Kết quả điều tra cho thấy có sự dao động lớn giữa các nhà máy do thời gian hoạt động xay chà không nằm trong thời vụ nhất định.
- Số liệu ở hình 1 cho thấy, tháng 12, hoạt động xay chà ít nhất, chỉ có 50% nhà máy hoạt động trong tháng này. Tháng 10 và 11 có 60% nhà máy hoạt động. Tháng 1 và tháng 9 có 70% nhà máy hoạt động. Các tháng 2, 4 và 5 có 80% nhà máy hoạt động. Còn lại các tháng có số nhà máy hoạt động nhiều nhất từ 90 - 100% là các tháng 3 và 8, tháng 6 và tháng 7 theo thứ tự tương ứng. Có thể trong các tháng cao điểm này nhu cầu gạo xuất khẩu số lượng cao nhất trong năm.



Hình 1. Tỷ lệ các nhà máy hoạt động xay chà theo các tháng trong năm

Bảng 2. Hình thức hoạt động theo ca của các nhà máy chế biến lúa gạo

| Số ca trong ngày | Tỷ lệ nhà máy (%) | Số giờ hoạt động/ca |
|------------------|-------------------|---------------------|
| 1 ca             | 65                | 10, 12, 15, 20, 24  |
| 2 ca             | 10                | 10                  |
| 3 ca             | 10                | 6                   |
| 4 ca             | 5                 | 6                   |
| 5 ca             | 10                | 4                   |

- Về hình thức hoạt động theo ca, tùy tình hình cụ thể về công suất, lượng công nhân sẵn có và lượng lúa nhu cầu chế biến, số giờ hoạt động theo ca của các nhà máy không giống nhau từ 4 giờ đến 24 giờ/ca và số ca trong ngày từ 1-5 ca.
- Số giờ/ca và số ca trong ngày các tháng vụ HT ít hơn vụ ĐX có xu hướng rơi vào 40% nhà máy. Trong lúc 60% số nhà máy có khuynh hướng hoạt động nhiều ca trong ngày và nhiều giờ trong ca trong các tháng thuộc vụ ĐX.
- Có 20% nhà máy hoạt động thấp hơn mức công suất trong các tháng vụ TĐ. Việc này có thể do nhu cầu xay chà vụ này ít, do lượng lúa ít. Do đó, giá lúa nông dân bán trong vụ TĐ thường cao hơn các vụ kia. Điều này đã nhận thấy ở Bạc Liêu và Hậu Giang qua báo cáo của tác giả Nguyễn (2011) và Nguyễn (2012). Giá lúa vụ TĐ thường cao nhất trong năm và hiệu quả sản xuất của vụ này cũng khá cao (Nguyễn, 2011).

### 3.2 Nghiên cứu hoạt động chế biến lúa gạo xuất khẩu của các nhà máy

#### 3.2.. Lượng lúa xay chà hàng ngày và tỷ lệ gạo nguyên thu hồi sau xay chà

Bảng 3a. Lượng lúa xay chà hàng ngày và tỷ lệ gạo nguyên thu hồi sau xay chà

| Khoản mục            | Lúa đầu vào<br>(Tấn/ngày) | Tỷ lệ gạo nguyên thu hồi theo vụ đối với gạo lức (%) |        |          |                  |
|----------------------|---------------------------|--|--------|----------|------------------|
|                      |                           | Đông Xuân  | Hè Thu | Thu Đông | Bình<br>quân/năm |
| Trung bình           | 135,90                    | 73,44  | 68,81  | 71,67    | 71,21            |
| Tối thiểu            | 6                         | 65,00  | 60,00  | 65,00    | 60,00            |
| Tối đa               | 500                       | 77,5   | 75,5   | 75,00    | 77,5             |
| Khoảng biến<br>thiên | 494                       | 12,5   | 15,5   | 10,0     | 17,5             |

- Lượng lúa xay chà hàng ngày của các nhà máy biến thiên từ 6 tấn – 500 tấn/ngày, trung bình là 136 tấn/ngày. Tỷ lệ gạo lức thu hồi cao nhất trong vụ ĐX, kế đến vụ TĐ và sau cùng là vụ HT với tỷ lệ tương ứng là 73,44%; 71,67% và 68,81%.
- Nếu tính trung bình cả năm cho các nhà máy thì tỷ lệ thu hồi gạo nguyên đối với gạo lức biến thiên từ 60% đến 77,5%, trung bình là 71,21%.
- Trong số các nhà máy được điều tra có 40% nhà máy chỉ xay lúa thành gạo trắng cho xuất khẩu, 60% nhà máy xay lúa thành gạo lức. Tuy nhiên, họ cũng có thể xay thành gạo trắng theo nhu cầu khách hàng. Hầu hết nhà máy xay lúa thành gạo lức, chế biến sơ bộ cho các thương lái tiếp tục bán cho các doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu có nhà máy lau bóng lớn.

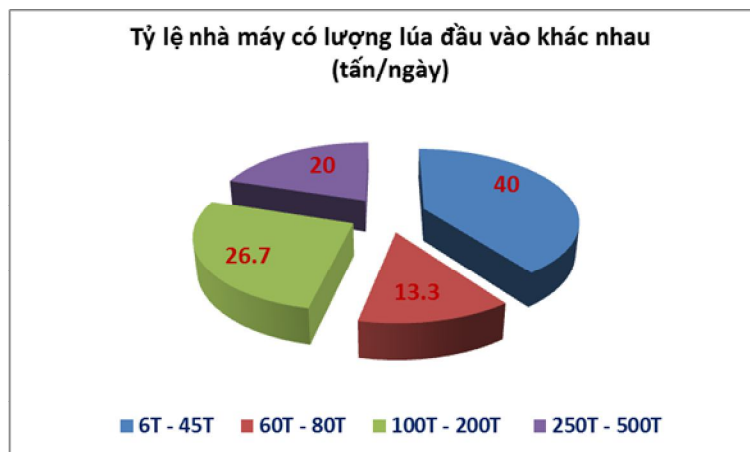
Bảng 3b. Tỷ lệ gạo nguyên thu hồi sau xay chà đối với gạo trắng

| Tỷ lệ thu hồi gạo nguyên đối với gạo trắng (%) |                   |                      |                |
|--|-------------------|----------------------|----------------|
|  | Tỷ lệ thu hồi (%) | Tỷ lệ tấm và cám (%) | Tỷ lệ trấu (%) |
| Trung bình                                     | 62,43             | 15,75                | 20,5           |
| Tối thiểu                                      | 60,00             | 10,00                | 20,00          |
| Tối đa   | 65,00             | 20,00                | 22,00          |
| Khoảng biến thiên                              | 5,00              | 10,00                | 2,00           |

- Tỷ lệ gạo nguyên thu hồi cho chà gạo lúc thường cao hơn chà gạo trắng (cao hơn thấp nhất khoảng 5%, trung bình là 10% và cao nhất là 15%).
- Tỷ lệ thu hồi gạo nguyên đối với chà gạo trắng (bảng 3b) biến thiên từ 60-65%, trung bình là 62,43%. Tỷ lệ tấm và cám phụ phẩm cho chà gạo trắng biến thiên từ 10-20%, trung bình là 15,75%. Sản phẩm phụ là trấu có tỷ lệ biến thiên từ 20-22%, trung bình là 20,5%. Trong trường hợp chế biến gạo trắng có tỷ lệ tấm cao tới 25%, tỷ lệ gạo nguyên thu hồi cho loại gạo xuất khẩu này ở một số nhà máy có thể đạt 80%.
- Theo [www.knowledgebank.irri.org](http://www.knowledgebank.irri.org) (2012), tỷ lệ gạo thu hồi tối đa từ 69-70% tùy thuộc vào giống lúa, nhưng vì sự không đồng đều của hạt và sự hiện diện của hạt lửng nên những nhà kinh doanh chế biến rất vui khi họ đạt từ 65% tỷ lệ gạo nguyên thu hồi. Một số nhà máy địa phương chỉ đạt từ 55% hoặc thấp hơn tỷ lệ gạo nguyên thu hồi. Tuy nhiên, tỷ lệ phần trăm của gạo nguyên (ngoại trừ tấm) nhận được từ một mẫu lúa chà trong điều kiện có kiểm soát được có thể đạt cao đến mức 84% so với tổng lượng lúa xay chà.
- Các nhà máy thường cho rằng tỷ lệ gạo nguyên thu hồi đối với lúa ĐX thường cao hơn lúa HT từ 1-2 %. Đối với giống lúa IR 50404 cho tỷ lệ gạo nguyên thu hồi cao nhất trong các giống hiện nay. Đây là một trong những ưu điểm làm cho giống này được trồng với tỷ lệ cao hiện nay, mặc dù chất lượng gạo kém. Theo tác giả Tâm Phúc (2012), ở Đồng Tháp, có huyện diện tích gieo sạ giống IR 50404 lên đến khoảng 80-90%. Về mặt thị trường, nông dân ở Đồng Tháp, Hậu Giang... cho biết, vụ đông xuân vừa rồi, tuy có lúc lúa IR 50404 khó tiêu thụ, nhưng thời điểm cuối vụ lại bán được và giá chỉ thấp hơn lúa hạt dài chút ít. Những ngày cuối tháng 4, lúa IR 50404 được thương lái mua với giá 5.000 - 5.200 đồng/kg trong khi lúa hạt dài cùng thời điểm chỉ cao hơn 100 - 200 đồng/kg.
- Từ đó, để giảm diện tích trồng lúa phẩm chất thấp IR 50404, cần có chiến lược tổng hợp liên kết “4 nhà” nhà khoa học cung cấp những giống lúa chất lượng gạo cao, nhà quản lý tổ chức sản xuất quy mô lớn, trong đó nhà chế biến và xuất khẩu liên kết với nông dân có định hướng thị trường xuất khẩu, với giá bao tiêu ưu đãi người nông dân là những yếu tố quyết định.

### 3.2.2 Phân bố lượng lúa xay chà hàng ngày của các nhà máy

- Qua điều tra lượng lúa xay chà hàng ngày của các nhà máy, chúng tôi chia thành 4 mức từ 6-45 tấn/ngày; từ 60-80 tấn/ngày; từ 100-200 tấn/ngày và từ 250-500 tấn/ngày.
- Khoảng gần 50% nhà máy có mức xay chà thực tế/ngày cao từ 100-500 tấn/ngày. Trong đó, 26,7% ở mức 100-200 tấn/ngày và 20% ở mức 250-500 tấn/ngày.
- Có 40% nhà máy chà khối lượng nhỏ 6-45 tấn/ngày; và 13,3% nhà máy chà ở mức 60-80 tấn/ngày (Hình 2).



Hình 2. Tỷ lệ các nhà máy có lượng lúa xay chà hàng ngày ở các mức khác nhau

### 3.2.3 Phân bố lượng lúa với độ ẩm lúc xay chà của các nhà máy

- Hầu hết các nhà máy thu mua lúa từ nông dân hoặc thương lái hay chà lúa thuê khi lúa đã khô đủ độ ẩm xay chà (15-16%).
- Độ ẩm lúa khi đưa vào xay chà biến thiên từ 15% đến 18%. Thường số lượng lúa xay chà có độ ẩm thấp nhiều trong mùa khô (khoảng 80%) với độ ẩm từ 16 - 17% có thể đạt độ ẩm xay chà.
- Lúa có độ ẩm dưới 17% cho tỷ lệ thu hồi gạo lức tốt với độ ẩm gạo khoảng 15%.
- Độ ẩm lý tưởng cho lúa đưa vào xay chà theo ý kiến của các nhà máy dao động từ 15-17%, trung bình là 16%. Trong đó, có 46% nhà máy cho rằng độ ẩm lúa lý tưởng đưa vào xay chà là 16%; Kế đến 23% nhà máy chọn độ ẩm lý tưởng là 17% và có 15% nhà máy chọn độ ẩm lý tưởng là 15% và 15% nhà máy chọn độ ẩm lý tưởng là 16.5%.

Bảng 4. Phân bố lượng lúa với độ ẩm lúc xay chà của các nhà máy

| Âm độ lúa | Tỷ lệ so với lượng lúa xay chà | Ghi chú   |
|-----------|--------------------------------|---|
| 15 – 16%  | Từ 60 – 100%, trung bình 80%   | Có gần 50% nhà máy chọn độ ẩm lý tưởng cho xay chà là 16% |
| 17 – 18%  | Từ 20 – 40%, trung bình 20%    | Độ ẩm cao cần phải phơi sấy trước khi xay chà             |

### 3.2.4 Thành phần chất lượng giống lúa được chế biến cho xuất khẩu

- Kết quả điều tra cho thấy có 100% nhà máy chà lúa có chất lượng thấp và trung bình. Chỉ có 50% nhà máy có xay chà lúa có chất lượng cao. Ngoài ra còn có 20% nhà máy không quan tâm phân biệt chất lượng lúa.
- Đối với loại giống lúa có chất lượng thấp (ví dụ IR 50404, OM 576; chiếm tới đa 70 và 10% theo thứ tự), có tỷ lệ trong tổng số lúa được xay chà biến thiên từ 10-80%, trung bình là 48%. Đối với loại giống lúa có chất lượng trung bình (ví dụ, OM 2517, OM 2518, OM 4218, OMCS 2000,...), có tỷ lệ biến thiên từ 15-60% so tổng lượng lúa xay chà, trung bình là 35%. Loại giống lúa chất lượng cao (ví dụ, Jasmine 85, DS 10, DS 20, OM 4900,...) đưa vào xay chà còn rất thấp, trung bình chỉ 20% (biến thiên từ 10-30%). Nghiên cứu này phù hợp với hiện trạng chất lượng gạo xuất khẩu của nước ta những năm gần đây. Đó là, gạo xuất khẩu của nước ta hầu hết là gạo chất lượng thấp (Nguyễn, 2012).

Bảng 5. Giống lúa và chất lượng lúa chế biến xuất khẩu (%)

| Loại giống lúa        | % nhà máy | % trong tổng số lúa xay chà | Các giống điển hình                      |
|-----------------------|-----------|-----------------------------|--|
| Chất lượng thấp       | 100       | 10 – 80,<br>Trung bình 48   | IR 50404, OM 576                         |
| Chất lượng trung bình | 100       | 15 – 60,<br>Trung bình 35   | OM 2517, OM 2518, OM 4218, OMCS 2000,... |
| Chất lượng cao        | 50        | 10 – 30,<br>Trung bình 20   | Jasmine 85, DS 10, DS 20, OM 4900        |
| Không phân biệt       | 20        | 100                         |  |

### 3.2.5. Các hình thức tiêu thụ sản phẩm phụ của các nhà máy

- Có 10% nhà máy không có sản phẩm phụ là trấu (do chỉ chà trắng/đánh bóng từ gạo lức). Còn lại có 5 hình thức tiêu thụ trấu từ các nhà máy như: Cho (không bán được) nhà máy sản xuất gạch tại địa phương (30%); Bán với giá rẻ từ 200-300 đ/kg cho người có nhu cầu làm gỗ củi (20%); Bán cho người có nhu cầu khác với giá khoảng 240 đ/kg (20%); Cho không nhà máy sản xuất gạch còn cho thêm tiền để họ vận chuyển (10%); và bán gần như cho không vì chỉ thu từ 700-800 ngàn đồng/ghe lớn dùng chở lúa có trọng tải 30 ngàn tấn.
- Như vậy, hiện trạng về tiêu thụ sản phẩm phụ trấu chưa có đầu ra ổn định và có lợi cho nhà máy, người tiêu thụ và môi trường. Vì đã có những trường hợp do không tiêu thụ được, nhà máy đã đổ trấu xuống sông gây ô nhiễm môi trường và dòng sông. Theo tác giả Quốc Dũng (2012), vào mùa thu hoạch rộ lúa đông xuân, các nhà máy xay xát, chế biến gạo cũng hoạt động rầm rộ, lượng trấu thải ở nhiều nơi không tiêu thụ hết phải đổ bỏ xuống sông... Tuy vậy, ở các khu vực có lượng lò gạch ngói lớn như Đồng Tháp, Vĩnh Long thì giá trấu lại tăng cao bất thường từ 200-250 đồng/kg lên 600-700 đồng/kg, gấp 200%. Giá trấu tăng cao đã khiến các cơ sở sản xuất gạch

ngói không có lời, thậm chí bị lỗ nên rất nhiều cơ sở đã tạm ngưng sản xuất, số còn lại chỉ hoạt động cầm chừng.

- Từ kết quả nghiên cứu cho thấy cần có chiến lược cho việc tiêu thụ trấu có hiệu quả về mặt kinh tế-xã hội và môi trường đối với các nhà máy chế biến gạo xuất khẩu ở ĐBSCL.

Bảng 6. Hình thức tiêu thụ trấu sau khi xay chà của các nhà máy

| TT | Hình thức tiêu thụ trấu   | Đơn giá (đ/kg)    | Tỷ lệ nhà máy (%) |
|----|---|-------------------|-------------------|
| 1  | Cho nhà máy sản xuất gạch   | Cho không bán     | 30                |
| 2  | Bán làm gỗ củi  | 200 - 300         | 20                |
| 3  | Bán cho người có nhu cầu  | 240               | 20                |
| 4  | Cho nhà máy sx gạch cộng cho thêm tiền vận chuyển                         | Cho không bán     | 10                |
| 5  | Bán từ 700-800 ngàn đồng /ghe dùng chở lúa loại trọng tải 30 ngàn tấn lúa | Gần như cho không | 10                |
| 6  | Không có trấu   | -                 | 10                |

Bảng 7. Hình thức tiêu thụ cám sau khi xay chà của các nhà máy

| TT | Hình thức tiêu thụ cám    | Đơn giá (đ/kg)                  | Tỷ lệ nhà máy (%) |
|----|---------------------------|---------------------------------|-------------------|
| 1  | Bán cho công ty chăn nuôi | 2500 – 5000,<br>Trung bình 4000 | 80                |
| 2  | Bán cám thô               | 300                             | 10                |
| 3  | Không có cám              | -                               | 10                |

So với tiêu thụ trấu, việc tiêu thụ cám ổn định và có hiệu quả nhiều khi hầu hết (80%) nhà máy dùng sản phẩm phụ cám bán cho các công ty chăn nuôi nuôi gia súc gia cầm. Giá bán biến thiên từ 2500-5000 đ/kg, trung bình là 4000 đ/kg. Có 10% nhà máy bán cám thô với giá 300 đ/kg. Còn lại có 10% nhà máy không có sản phẩm phụ là cám.

### 3.2.6 Lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh của các nhà máy chế biến lúa gạo xuất khẩu

Qua nghiên cứu có 60% nhà máy tiết lộ mức chi phí và lợi nhuận trong chế biến gạo xuất khẩu như sau:

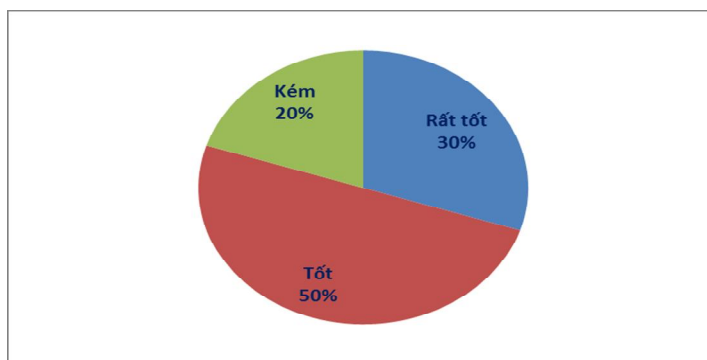
- + Đối với chi phí chà từ lúa thành gạo lức là 75000 đồng/tấn lúa.
- + Lợi nhuận đối với chà gạo lức biến thiên từ 70.000 – 400.000 đ/tấn.
- + Lợi nhuận đối với chà gạo trắng biến thiên từ 140.000 – 300.000 đ/tấn.

Ngoài ra có 10% nhà máy cho rằng có mức lợi nhuận 3% so với tổng chi phí.



### 3.3 Ý kiến của các nhà máy về việc cung ứng điện phục vụ chế biến lúa gạo xuất khẩu

- Nhìn chung đánh giá cung cấp điện là tốt. Thường mỗi nhà máy còn dự trữ một máy phát điện phòng khi cúp điện. Thời giá điện trong vụ ĐX 2010 – 2011 là 1000 đồng/Kw điện. Chi phí tiền điện có một số nhà máy cho biết từ 15 – 20 triệu và từ 40 – 50 triệu đồng/tháng. Hầu hết nhà máy được thông báo thời gian cúp điện để bố trí hoạt động và tăng cường máy phát điện.
- Nghiên cứu yêu cầu đánh giá hiệu quả phục vụ của ngành điện theo thang đánh giá gồm 5 mức (Rất tốt, khá tốt, tốt, kém và rất kém). Kết quả được trình bày trong hình 3. Trong đó, điện phục vụ cho các nhà máy chế biến lúa gạo ở mức rất tốt là 30%, tốt là 50% và vẫn còn 20% nhà máy cho rằng điện phục vụ cho chế biến gạo của các nhà máy chưa tốt (kém) như gia tăng giá điện (từ 50.000 VNĐ lên 75.000 VNĐ/tấn), cung cấp điện không ổn định, cúp điện từ 2 – 4 ngày/tháng.



Hình 3: Đánh giá hiệu quả phục vụ điện cho việc chế biến lúa gạo xuất khẩu

### 3.4 Nghiên cứu về những khó khăn và đề nghị nhằm phát triển ngành chế biến lúa gạo xuất khẩu

Bảng 8. Những khó khăn chính đối với các nhà máy chế biến lúa gạo xuất khẩu

---

|    |   |
|----|---|
| 1  | Thiếu vốn sản xuất và mở rộng quy mô nhà máy  |
| 2  | Nhà máy nhỏ lẻ và phân tán, phương tiện lạc hậu, chưa được đầu tư nâng cấp hiện đại |
| 3  | Giá bán sản phẩm thấp và không ổn định  |
| 4  | Đầu ra chưa ổn định (tự tìm kiếm thị trường xuất khẩu như Singapore, Thái lan)      |
| 5  | Thiếu kho chứa, sân phơi, máy sấy lúa   |
| 6  | Giá điện, nhiên liệu cao  |
| 7  | Cung cấp điện thiếu ổn định cho sản xuất  |
| 8  | Thiếu lúa để hoạt động vào giữa vụ  |
| 9  | Lao động làm việc không đều đặn hàng ngày   |
| 10 | Một số khó khăn do vận chuyển bằng đường sông                                       |
| 11 | Chi phí chuyển tiền liên ngân hàng và đến công ty khác còn cao                      |

---

Đề tài đã tổng hợp phản ánh của các nhà máy và liệt kê thành 11 khó khăn chính đối với họ trong quá trình hoạt động chế biến lúa gạo cho xuất khẩu. Những khó khăn này được sắp xếp theo mức độ quan trọng, như: Thiếu vốn sản xuất và mở rộng quy mô nhà máy; Nhà máy nhỏ lẻ và phân tán, phương tiện lạc hậu, chưa được đầu tư nâng cấp hiện đại; Giá bán sản phẩm thấp và không ổn định; Đầu ra chưa ổn định; Thiếu kho chứa, sân phơi, máy sấy lúa ....

Một số nhà máy cho rằng đã có trang bị phương tiện hiện đại như có máy color sorter (loại máy phân loại hạt để loại bỏ những hạt khác màu, khác kích thước để cho sản phẩm được đồng đều). Tuy nhiên, cũng còn nhiều nhà máy có nhu cầu mở rộng nhà máy nhưng chưa có nhu cầu mua sắm máy color sorter vì chưa cần đến, có nhà máy có máy này nhưng không sử dụng. Như vậy, chứng tỏ về sản phẩm xuất khẩu phần lớn của nước ta chỉ đến các thị trường nhu cầu phẩm chất gạo thấp và giá thấp.

Một số ít nhà máy cho rằng họ có đầy đủ nhân viên và công nhân, trang thiết bị nên vận hành nhà máy một cách trôi chảy.

Về thuế thu nhập và VAT một số nhà máy phản ánh lúc đầu mức đóng góp này là 28% lợi nhuận ròng sau thuế nhưng đến thời điểm điều tra nhờ có trợ cấp từ chính quyền cấp tỉnh nên mức thuế này giảm xuống còn 15% đây là ưu đãi cho các nhà máy.

Bảng 9. Những đề nghị quan trọng nhằm cải thiện ngành chế biến lúa gạo xuất khẩu

- 
- 1 Đầu tư vốn tín dụng lãi suất thấp để sản xuất và nâng cấp nhà máy
  - 2 Hiện đại hóa hệ thống xay chà lúa gạo xuất khẩu
  - 3 Cải thiện và nâng cấp các nhà máy nhỏ, phân tán và lạc hậu, phát triển các nhà máy lớn, hiện đại
  - 4 Có chính sách khuyến khích nông dân sản xuất giống lúa chất lượng cao
  - 5 Cung cấp trang thiết bị tốt và hoàn chỉnh để chế biến gạo trắng
  - 6 Cải thiện và phát triển các kho chứa, sân phơi, máy sấy
  - 7 Giảm giá nhiên liệu, cung cấp điện ổn định
  - 8 Giữ giá đầu ra xuất khẩu cao và ổn định
  - 9 Cần sự ủng hộ của chính quyền địa phương
  - 10 Cần tham gia thành viên Hiệp hội xuất khẩu lúa gạo
- 

Việc đề nghị những ý kiến nhằm cải thiện và phát triển ngành chế biến lúa gạo cho xuất khẩu, qua nghiên cứu đã tổng hợp thành 10 ý kiến sắp xếp theo thứ tự quan trọng trong bảng 9, bao gồm những ý kiến như: Đầu tư vốn tín dụng lãi suất thấp để sản xuất và nâng cấp nhà máy; Hiện đại hóa hệ thống xay chà lúa gạo xuất khẩu; Cải thiện và nâng cấp các nhà máy nhỏ, phân tán và lạc hậu, phát triển các nhà máy lớn, hiện đại; Có chính sách khuyến khích nông dân sản xuất giống lúa chất lượng cao; Cung cấp trang thiết bị tốt và hoàn chỉnh để chế biến gạo trắng...

#### 4. KẾT LUẬN

- Hệ thống các nhà máy xay chà lúa gạo chiếm vai trò quan trọng trong việc chế biến lúa gạo cho xuất khẩu ở ĐBSCL. Vì vậy những kết quả nghiên cứu này rất hữu ích cho những người có liên quan. Kết quả nghiên cứu về công suất/ngày của các nhà máy biến thiên từ 30 tấn cho đến 500 tấn/ngày, trung bình là 170,2 tấn/ngày. Lượng lúa xay chà thực tế/năm trung bình là 33.360 tấn/năm. Có 20% nhà máy hoạt động vượt công suất lý thuyết/năm nhưng hầu hết số nhà máy (80%) chỉ hoạt động dưới mức công suất lý thuyết/năm. Lượng lúa xay chà hàng ngày của các nhà máy biến thiên từ 6 tấn – 500 tấn/ngày, trung bình là 136 tấn/ngày. Tỷ lệ gạo lức thu hồi cao nhất trong vụ ĐX, kế đến vụ TĐ và sau cùng là vụ HT (tương ứng là 73,44%; 71,67% và 68,81%). Đối với giống lúa IR 50404 cho tỷ lệ gạo nguyên thu hồi cao nhất trong các giống hiện nay. Đây là một trong những ưu điểm làm cho giống này được trồng với tỷ lệ cao hiện nay, mặc dù chất lượng gạo kém. Độ ẩm lúa khi đưa vào xay chà biến thiên từ 15% đến 18%. Có 46% nhà máy cho rằng độ ẩm lúa lý tưởng đưa vào xay chà là 16%.
- Kết quả điều tra cho thấy có 100% nhà máy chà lúa có chất lượng thấp và trung bình. Chỉ có 50% nhà máy có xay chà lúa có chất lượng cao. Ngoài ra còn có 20% nhà máy không quan tâm phân biệt chất lượng lúa. Đối với loại giống lúa có chất lượng thấp (ví dụ IR 50404, OM 576), có tỷ lệ trong tổng số lúa được xay chà biến thiên từ 10-80%, trung bình là 48%. Đối với loại giống lúa có chất lượng trung bình có tỷ lệ trung bình là 35%. Loại giống lúa chất lượng cao đưa vào xay chà còn rất thấp, trung bình chỉ 20% (biến thiên từ 10-30%). Hiện trạng về tiêu thụ sản phẩm phụ là trấu chưa có đầu ra ổn định và có lợi cho nhà máy, người tiêu thụ và môi trường. Vì đã có những trường hợp do không tiêu thụ được, nhà máy đã đổ trấu xuống sông gây ô nhiễm môi trường và dòng sông.
- Nghiên cứu đã tổng hợp thành 11 khó khăn chính đối với nhà máy trong quá trình hoạt động chế biến lúa gạo cho xuất khẩu. Những khó khăn này được sắp xếp theo mức độ quan trọng như: Thiếu vốn sản xuất và mở rộng quy mô nhà máy; Nhà máy nhỏ lẻ và phân tán, phương tiện lạc hậu, chưa được đầu tư nâng cấp hiện đại; Giá bán sản phẩm thấp và không ổn định; Đầu ra chưa ổn định; Thiếu kho chứa, sân phơi, máy sấy lúa .... Đề tài cũng tổng hợp 10 ý kiến sắp xếp theo thứ tự quan trọng những kiến nghị nhằm cải thiện và phát triển ngành chế biến lúa gạo cho xuất khẩu, gồm những ý kiến như: Đầu tư vốn tín dụng lãi suất thấp để sản xuất và nâng cấp nhà máy; Hiện đại hóa hệ thống xay chà lúa gạo xuất khẩu; Cải thiện và nâng cấp các nhà máy nhỏ, phân tán và lạc hậu, phát triển các nhà máy lớn, hiện đại; Có chính sách khuyến khích nông dân sản xuất giống lúa chất lượng cao; Cung cấp trang thiết bị tốt và hoàn chỉnh để chế biến gạo trắng...

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Akanksha Singh. 2011. Vietnam may replace Thailand as the biggest rice exporter in 2012. Dec 26th. [www.thailand-business-news.com](http://www.thailand-business-news.com).
- Nguyễn Công Thành. 2011. Báo cáo tổng kết dự án cấp tỉnh Bạc Liêu về Xây dựng các mô hình đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp có hiệu quả và bền vững tại xã Phong Thạnh Đông A, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Nguyễn Công Thành. 2012. Báo cáo tổng kết dự án cấp tỉnh Hậu Giang về Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp liên hoàn giúp xóa đói, giảm nghèo ở huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.
- Nguyễn Văn Sơn. 2012. Xuất khẩu gạo: Bài toán giá trị. Theo Doanh nhân Sài Gòn Cuối tuần, 22/09/2012.
- Phạm Anh. 2012. Sáu tháng, xuất khẩu 3,7 triệu tấn gạo. [www.tienphong.vn](http://www.tienphong.vn)
- Quốc Dũng. 2012. Đồng bằng sông Cửu Long : Giá trâu tăng, lò gạch đóng cửa. NhanDan online
- Tâm Phúc. 2012. Đầu đầu với giống lúa IR 50404! [www.baomoi.com](http://www.baomoi.com).
- [www.knowledgebank.irri.org](http://www.knowledgebank.irri.org), 2012. Estimation of postharvest losses of rice (Oriza sativa) from harvesting to milling.

### **Study on rice processing for export in the Cuu Long Delta region**

Nguyen Cong Thanh, Bui Dinh Duong, Tran Van Hien, Nguyen Huu Minh and Manish Singh

#### **Abstract**

The research results showed that capacity of plant range from 30 tons to 500 tons per day, average of 170.2 tons/day. There were 20% millers operated over ideal capacity/year, from 130 – 141%. However, almost millers (80%) operated below ideal capacity/year. The paddy inputs among millers were ranged from 6 tons to 500 tons/day, average with 136 tons/day. The percentage of head rice recovery for brown rice were highest in the Winter Spring season (ĐX), followed was Autumn Winter season (TĐ) and lastly with Summer Autumn season (HT), with 73.44%; 71.67% and 68.81%, respectively. In case of IR50404, the head rice recovery is the highest among others so far. This is one of the reasons why this variety is largely grown though its low quality. For moisture content, it ranged 15% to 18% before milling. The ideal moisture content of paddy milled is 16%. The status of rice husk consumption is not stable in the output with beneficial to millers, consumers and environment. For the low quality rice varieties such as IR50404, OM576, they occupied in total paddy milled range from 10-80%, average with 48%. Varieties with medium quality accounted for 35%, and high quality ones of 20%. Other important efforts of the study were synthesized 11 main constraints, which millers faced in their rice processing activities and 10 important suggestions aimed to improve and develop rice-processing sector for export in the Mekong Delta, Vietnam.



Fig 1. Rice miller in Long My, Hau Giang for export services



Fig. 2. Rice processing and transferring in Thot Not, Can Tho